

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 72/2022/HSST

Ngày 30/11/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Phùng Thành**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lưu Văn Thảo**

2. Ông **Nguyễn Đăng Thám**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Phan Thị Hải Linh** – Thư ký TAND huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có bà: **Trương Hồng Bình** – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HS ngày 11/11/2022, đối với bị cáo:

Lưu Tấn T

Sinh năm: 1997, tại: T, Quảng Nam;

Trú tại: Tổ 11, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Lưu Tấn L, sinh năm: 1968; Con bà: Phan Thị Thủy, sinh năm: 1975 (chết);

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 23/3/2022, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, số tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND xã B1, huyện T.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự:

UBND xã B1, huyện T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn Thiện – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã B1.

Địa chỉ: xã B1, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lưu Tấn L, sinh năm: 1968

Trú tại: Tổ 11, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

+ Ông Lê H, sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

+ Bà Phan Thị N, sinh năm: 1968

Trú tại: Tổ 11, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

+ Cháu Lưu Tấn L1, sinh ngày: 30/10/2010

Đại diện hợp pháp cho Lưu Tấn L1 có ông: Ông Lưu Tấn L, sinh năm: 1968

Trú tại: Tổ 11, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

(ông L, cháu L1 có mặt; Ông T, ông H, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Tấn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, hình thức phạt tiền, số tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND xã B1. Khoảng 14 giờ ngày 15/6/2022, do không có tiền tiêu xài, Lưu Tấn T nảy sinh ý định đến nhà chứa rác thôn N, xã B1 (do UBND xã B1 quản lý) để trộm sắt, bán lấy tiền tiêu xài. T rủ em trai là Lưu Tấn L1 (sinh ngày 30/10/2010, thời điểm này L1 chưa đủ 12 tuổi) đem theo một cái búa tạ, rồi T điều khiển xe mô tô Sirius biển kiểm soát 92H6-9143 (chủ sở hữu là ông Lưu Tấn L, sinh năm 1968, là cha ruột của T) chở L1 đi đến khu vực nhà rác đồng lớn thuộc: Tổ 14, thôn N, xã B1 để trộm cắp tài sản. Tại đây, T trèo lên mái nhà, còn L1 đứng dưới đưa búa tạ lên cho T. T dùng búa tạ đập, gỡ lấy 05 cây xà gồ bằng sắt trên mái. Sau khi lấy được 05 cây xà gồ từ trên mái nhà để xuống dưới đất (trong đó có 01 cây bị gãy làm hai đoạn), T điều khiển xe mô tô 92H6-9143 về nhà bà Phạm Thị N (sinh năm 1968, trú Tổ 11, thôn V, xã B, huyện T, là họ hàng với T) để mượn xe bò chở 06 cây sắt đi bán, nhưng không có ai ở nhà nên T tự lấy xe bò, quay lại khu vực nhà chứa rác. T bỏ 06 cây sắt đã lấy trộm được lên xe bò, điều khiển xe mô tô BKS 92H6-9143 chở L1 kéo theo xe bò cùng với số sắt lấy trộm được đi đến tiệm phế liệu của anh Lê H (sinh năm 1991) tại Thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam bán. Anh H cân số sắt trên được 48,5kg và mua với giá 9.000 đồng/01 kg, giao cho T số tiền 440.000 đồng. T cho L1 30.000 đồng, còn lại giữ tiêu xài cá nhân.

Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận giá trị của tài sản do Lưu Tấn T trộm cắp là 48,5kg sắt, giá 7.500 đồng/kg, giá trị 363.750 đồng.

Tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 15/6/2022), Lưu Tấn T chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tại bản cáo trạng số: 70/CT-VKSTB-HS ngày 31/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Lưu Tấn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa bị cáo Lưu Tấn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Do muốn có tiền để tiêu xài, nên bị cáo đã đến nhà chứa rác thải của xã B1 đập sắt về bán phế liệu lấy tiền. Ngày 23/3/2022, bị cáo cũng đã bị phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp. Chiếc xe mô tô 92H6-9143 là của cha bị cáo. Khi trộm cắp cha bị cáo không biết việc này. Còn xe bò của nhà bà Phạm Thị N, là bà con với bị cáo. Sau khi chở sắt đi bán xong bị cáo

đã trả lại xe bò vào nhà bà N. Lúc đó bà N không có nhà và không biết việc bị cáo lấy xe bò.

Lời khai của người liên quan Lưu Tấn L1: Hôm đó cháu L1 đang ở nhà thì anh trai là Lưu Tấn T về bảo L1 vào lấy cái búa tạ ở nhà bếp và sau đó T dùng xe máy của cha mình chở L1 đến nhà chứa rác. T leo lên và bảo L1 đưa búa tạ cho T. T dùng búa tạ đập lấy được 05 cây sắt dài và 01 cây sắt ngắn. Sau đó T chở L1 về kéo xe bò chở sắt đi bán phế liệu. T cho L1 số tiền 30.000đồng.

Lời khai của anh Lê H có trong hồ sơ: Vào chiều ngày 15/6/2022, anh H có mua của Lưu Tấn T 06 cây sắt xà gồ gồm 05 cây dài và 01 cây ngắn với số tiền 440.000 đồng. Anh H không biết số sắt này là do T trộm cắp mà có, anh H thấy sắt đã bị rỉ nên tưởng của gia đình bị cáo T bỏ và bán phế liệu nên mua. Hiện nay anh đã nhận số tiền 440.000 đồng của bị cáo và anh đã giao lại số sắt này cho cơ quan Công an.

Đại diện cho nguyên đơn dân sự UBND xã B1, ông Nguyễn Tấn T khai vào ngày 15/6/2022, tại nhà chứa rác thuộc thôn N, xã B1 có xảy ra vụ mất trộm sắt. Nay ông đã thay mặt UBND xã B1 đã nhận lại số sắt bị mất trộm gồm 05 cây sắt dài 4,1m và 01 cây sắt ngắn 0,8m, có tổng khối lượng 48,5kg. Ông T đại diện cho UBND xã B1 không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa ông Lưu Tấn L khai: Hôm đó ông đi làm ruộng và để xe mô tô ở nhà và con ông là T sử dụng xe mô tô đi trộm cắp ông không biết. Chiếc búa là của gia đình ông. Nay ông đã được nhận lại xe và chiếc búa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thiệt hại gây ra không lớn. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo: Lưu Tấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lưu Tấn T từ 06 đến 09 tháng tù.

* Những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với hành vi của Lưu Tấn L1 giúp sức cho Truyền trong việc trộm cắp tài sản trị giá 363.750 đồng, tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi trên, L1 chưa đủ 12 tuổi, theo quy định tại Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì L1 chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính, do đó không xử lý đối với Lưu Tấn L1.

- Đối với anh Lê H, khi anh H mua số sắt do T và L1 mang đến bán thì không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý.

- Việc Lưu Tấn T sử dụng búa tạ, xe mô tô BKS 92H6-9143 và xe bò để đi trộm cắp tài sản thì chủ sở hữu là ông Lưu Tấn L và bà Phạm Thị N không biết, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại tài sản trên cho ông L và bà N là đúng quy định của pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Tấn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người liên quan, nguyên đơn dân sự và các cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận giá trị của tài sản do Lưu Tấn T trộm cắp là 48,5kg sắt, giá 7.500 đồng/kg, giá trị 363.750 đồng.

- Ngày 23/3/2022, bị cáo Lưu Tấn T đã bị Chủ tịch UBND xã B1, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền, số tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC.

Hội đồng xét xử xác định: Ngày 23/3/2022, bị cáo Lưu Tấn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi: “Trộm cắp tài sản”, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 14 giờ ngày 15/6/2022, tại nhà chứa rác đồng lớn thuộc: Tổ 14, thôn N, xã B1, huyện T do Ủy ban nhân dân xã B1 quản lý, bị cáo Lưu Tấn T đã có hành vi lén lút trèo lên mái nhà chứa rác, dùng búa tạ gỡ lấy 05 cây xà gồ sắt (trong đó có 01 cây gãy ra làm hai) rồi đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị số sắt trọng lượng 48,5kg mà Lưu Tấn T chiếm đoạt là 363.750 đồng

Như vậy, hành vi, hậu quả của bị cáo Lưu Tấn T gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lưu Tấn T.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo hộ. Bị cáo Truyền tại thời điểm phạm tội là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo đã trộm cắp của UBND xã B1 số tài sản giá trị 363.750 đồng. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Lưu Tấn T xuất thân là nhân dân lao động. Hoàn cảnh gia đình có khó khăn nhất định. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hậu quả gây ra không lớn. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, sau khi thực hiện vụ trộm cắp và trong lúc được tại ngoại bị cáo lại tiếp tục trộm cắp và hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để Cơ quan chức năng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về vật chứng trong vụ án: Chiếc búa tạ, xe mô tô BKS 92H6-9143 và xe bò bị cáo dùng để trộm cắp tài sản Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại các tài sản trên cho ông L và bà N là đúng quy định của pháp luật.

[6]- Đối với hành vi của Lưu Tấn L1 giúp sức cho T trong việc trộm cắp tài sản trị giá 363.750 đồng, tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi trên, L1 chưa đủ 12 tuổi, theo quy định tại Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì L1 chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính, do đó không xử lý đối với Lưu Tấn L1 là thỏa đáng.

- Đối với anh Lê H, khi anh H mua số sắt do T và L1 mang đến bán không biết đây là tài sản do trộm cắp. Các cơ quan tiến hành tố tụng huyện T không xử lý cũng là thỏa đáng

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Lưu Tấn T** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Lưu Tấn T 06** (Sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo Lưu Tấn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)
Đặng Phùng Thành